

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2026/DS-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2026
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành
2. Bà Lê Thị Hồng Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2026/TLST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Mai Mai, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp 9/4, phường Dầu Giây, thành phố Đồng Nai. Do bà Trần Thị Mỹ Lệ, Hoàng Thị Huệ. Địa chỉ: số 41 Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, thành phố Đồng Nai đại diện theo ủy quyền.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc Oanh, sinh năm 1980. Địa chỉ: tổ 5, khu phố Trần Hưng Đạo, phường Dầu Giây, thành phố Đồng Nai.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Mai Mai do bà Hoàng Thị Huệ đại diện trình bày, tranh luận:

Tháng 12/2024, qua sự giới thiệu, bà Lê Thị Ngọc Oanh có liên hệ và vay của bà Bùi Mai Mai số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2.5%/tháng, thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 12/12/2024 đến ngày 12/12/2025). Việc vay mượn được lập thành văn bản “giấy mượn tiền”, có chữ ký của các bên và 03 người làm chứng gồm: chị Cao Minh Phương là hàng xóm bà Lê Thị Ngọc Oanh, ông Lê Hạ là cha ruột bà Lê Thị Ngọc Oanh và Nguyễn Thị Năng là mẹ ruột bà Cao Minh Phương. Sau khi hai bên thỏa thuận và lập giấy mượn tiền, bà Mai chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của bà Mai, tài khoản số 5915205097909 tại ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) sang số tài khoản ngân hàng của bà Lê Thị Ngọc Oanh là số tài khoản 0871004240371 tại ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank). Số tiền chuyển khoản 292.500.000 đồng (*hai trăm chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*) thời gian chuyển khoản ngày 12/12/2024 và bà Mai đưa tiền mặt cho bà Oanh số tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) tuy nhiên không viết biên bản giao nhận tiền mặt. Việc vay mượn giữa bà Lê Thị Ngọc Oanh và bà Bùi Mai Mai hoàn toàn là tự nguyện, không có sự ép buộc, lừa dối.

Thực tế, bà Bùi Mai Mai không quen biết thân thiết, không có quan hệ máu mủ, nhân thân với bà Oanh. Việc bà Bùi Mai Mai giao một số tiền lớn 300.000.000 đồng cho một người không phải họ hàng thân thích mà không tính lãi suất hay không yêu cầu tài sản thế chấp là một điều phi lý và không phù hợp với thực tế khách quan. Bản thân bà Oanh cũng đã tự nguyện ký, điền chỉ vào giấy vay nợ, thể hiện sự thừa nhận hoàn toàn đối với khoản vay này.

Theo thỏa thuận giữa hai bên, từ tháng 01/2025 đến tháng 10/2025, bà Lê Thị Ngọc Oanh đã đóng lãi rất đều đặn mỗi tháng với số tiền là 7.500.000 đồng/tháng. Số tiền lãi mỗi tháng bà Oanh đóng cho bà Mai trùng khớp hoàn toàn với lãi suất (2.5%/tháng) hai bên đã thỏa thuận miệng với nhau. Phía bị đơn tự giác đóng tiền lãi hàng tháng chứng minh thỏa thuận lãi suất giữa hai bên hoàn toàn tồn tại và bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi suốt 10 tháng liên tục. Bà Oanh cũng thừa nhận việc trả lãi cho bà Mai và đã cung cấp sao kê ngân hàng thể hiện rõ khoản vay mà bà Oanh đã vay và các khoản tiền lãi bà Oanh trả hằng tháng trong suốt 10 tháng (từ tháng 01/2025 đến tháng 11/2025) và bà Oanh tự tay ghi chú các khoản lãi với nội dung “*Oanh trả lãi*” tại bản sao kê Ngân hàng.

Mặc dù, mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2.5%/tháng vượt quá mức trần quy định của pháp luật vì vậy bà Mai đề nghị Áp dụng lãi suất đối với khoản vay 300.000.000 đồng giữa bà Bùi Mai Mai và bà Lê Thị Ngọc Oanh là 20%/năm: tính từ ngày 12/12/2024 đến ngày 12/12/2025, số tiền lãi bà Oanh phải trả cho bà Mai là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Cần trừ phần tiền lãi đóng vượt mức trực tiếp vào nợ gốc: Do bị đơn đã đóng tổng số tiền lãi thực tế là 75.000.000 đồng, số tiền vượt mức lãi suất tối đa theo quy định là 75.000.000 đồng – 60.000.000 đồng = 15.000.000 đồng, căn cứ theo Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, số tiền lãi đã trả vượt mức quy định (vượt 20%/năm) được trừ vào tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Do đó, dư nợ gốc thực tế của bị đơn sau khi cần trừ chỉ còn: 300.000.000 đồng - 15.000.000 đồng = 285.000.000 đồng.

Kể từ ngày hết hạn hợp đồng, bị đơn không trả tiền nợ gốc và lãi cho bà Mai. Căn cứ điều 357 và điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Mai yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định là 10%/năm trên số nợ gốc còn lại là 285.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 13/12/2025 đến ngày đưa vụ án ra xét xử (ngày 28/08/2026):

$$285.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 8,5/12 = 20.187.500 \text{ đồng}.$$

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi bà Lê Thị Ngọc Oanh phải trả cho bà Bùi Mai Mai là: 285.000.000 đồng + 20.187.500 đồng = 305.187.500 đồng.

2. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Oanh trình bày:

Bà Oanh cho biết chữ ký, chữ viết tên Lê Thị Ngọc trong giấy mượn tiền lập ngày 12/12/2024 tại mục người vay do nguyên đơn cung cấp là chữ ký, chữ viết của bà Oanh. Bà Oanh thừa nhận có vay của bà Mai 300.000.000đ. Thời hạn vay là 01 năm (đến ngày 12/12/2025), hai bên không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền. Sau khi nhận chuyển khoản thì bà Oanh chuyển khoản cho bà Cao Minh Phương số tiền 10.000.000đ để làm giấy tờ bên bà Mai tuy nhiên bà Oanh không có ý kiến, yêu cầu gì đối với 10.000.000đ này. Hàng tháng bà Oanh chuyển khoản cho bà trả cho bà Mai 7.500.000đ theo yêu cầu của bà Mai, bà Oanh không xác định được đây là chuyển tiền lãi hay tiền gốc. Bà Oanh đã chuyển khoản cho bà Mai được 12 tháng, mỗi tháng 7.500.000đ, tổng cộng đã chuyển khoản 90.000.000đ. Nay bà Oanh đồng ý trả cho bà Mai 210.000.000đ (300.000.000 - 90.000.000đ tiền chuyển hàng tháng). Đến ngày 26 tháng 7 năm 2026 bà Oanh có bản tự khai là chỉ có tài liệu, chứng cứ là đóng 10 tháng, 02 tháng còn không nhớ là nhờ ai chuyển khoản hay đưa tiền mặt cho bà Mai.

** Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:*

a. Từ khi thụ lý vụ án đến trước ngày mở phiên họp, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: Đơn khởi kiện; CCCD bà bản sao, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án (bản chính), giấy vay tiền.

b. Từ khi thụ lý vụ án đến trước ngày mở phiên họp, bị đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: CCCD (bản sao), bản tự khai, sao kê ngân hàng, đơn xin vắng mặt.

c. Toà án đã thu thập tài liệu, chứng cứ sau đây: Biên bản lấy lời khai đương sự.

Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

*** *Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:*** Theo thỏa thuận giữa hai bên, từ tháng 01/2025 đến tháng 10/2025, bà Lê Thị Ngọc Oanh đã đóng lãi rất đều đặn mỗi tháng với số tiền là 7.500.000 đồng/tháng, tổng tiền lãi bà Oanh đã trả cho bà Mai là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*). Số tiền lãi mỗi tháng bà Oanh đóng cho bà Mai trùng khớp hoàn toàn với lãi suất (2.5%/tháng) hai bên đã thỏa thuận miệng với nhau. Phía bị đơn tự giác đóng tiền lãi hàng tháng chứng minh thỏa thuận lãi suất giữa hai bên hoàn toàn tồn tại và bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi suốt 10 tháng liên tục. Bà Oanh cũng thừa nhận việc trả lãi cho bà Mai và đã cung cấp sao kê ngân hàng thể hiện rõ khoản vay mà bà Oanh đã vay và các khoản tiền lãi bà Oanh trả hàng tháng trong suốt 10 tháng (từ tháng 01/2025 đến tháng 11/2025) và bà Oanh tự tay ghi chú các khoản lãi với nội dung “*Oanh trả lãi*” tại bản sao kê Ngân hàng.

Mặc dù, mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2.5%/tháng vượt quá mức trần quy định của pháp luật vì vậy tôi đề nghị Áp dụng lãi suất đối với khoản vay 300.000.000 đồng giữa bà Bùi Mai Mai và bà Lê Thị Ngọc Oanh là 20%/năm: tính từ ngày 12/12/2024 đến ngày 12/12/2025, số tiền lãi bà Oanh phải trả cho bà Mai là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Cán trừ phần tiền lãi đóng vượt mức trực tiếp vào nợ gốc: Do bị đơn đã đóng tổng số tiền lãi thực tế là 75.000.000 đồng, số tiền vượt mức lãi suất tối đa theo quy định là 75.000.000 đồng – 60.000.000 đồng = 15.000.000 đồng, căn cứ theo Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, số tiền lãi đã trả vượt mức quy định (vượt 20%/năm) được trừ vào tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Do đó, dư nợ gốc thực tế của bị đơn sau khi căn trừ chỉ còn: 300.000.000 đồng - 15.000.000 đồng = 285.000.000 đồng.

Kể từ ngày hết hạn hợp đồng, bị đơn không trả tiền nợ gốc và lãi cho bà Mai, căn cứ vào điều 357 và điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định là 10%/năm trên số nợ gốc còn lại là 285.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 13/12/2025 đến ngày đưa vụ án ra xét xử (ngày 28/8/2026): $285.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 8,5/12 = 20.187.500 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi bà Lê Thị Ngọc Oanh phải trả cho bà Bùi Mai Mai là: 285.000.000 đồng + 20.187.500 đồng = 305.187.500 đồng.

3. *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, đại diện đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của

pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- *Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án; quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng: bà Bùi Mai Mai khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc Oanh có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc, tiền lãi nên bà Mai là nguyên đơn, ông bà Oanh là bị đơn; bà Oanh có nơi cư trú tại phường Dầu Giây, thành phố Đồng Nai nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục ủy quyền: bà Mai có văn bản ủy quyền cho bà Lê, bà Huệ làm đại diện. Xét việc ủy quyền trên của là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định tại Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về nội dung:*

4.1. Đối với yêu cầu trả tiền gốc:

Nguyên đơn bà Mai cho rằng bị đơn bà Lê Thị Ngọc Oanh vay của bà số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Giấy vay tiền” lập ngày 12/12/2024 có chữ ký, chữ viết họ tên của bên vay là Lê Thị Ngọc Oanh. Quá trình giải quyết vụ án, bà Oanh thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên Lê Thị Ngọc Oanh trong giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp là của bà; đồng thời bà Oanh cũng thừa nhận có vay của bà Mai số tiền 300.000.000 đồng (bút lục số 59).

Như vậy, việc bà Oanh vay của bà Mai số tiền 300.000.000 đồng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định giữa bà Mai và bà Oanh có giao kết hợp đồng vay tài sản ngày 12/12/2024, số tiền vay là 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm.

4.2. Đối với số tiền bà Oanh đã thanh toán cho bà Mai hàng tháng 7.500.000đ:

* Bà Oanh trình bày, trong thời gian vay tiền, hàng tháng bà có chuyển khoản cho bà Mai số tiền 7.500.000 đồng vào tài khoản số 0977124177, tên Bùi Mai Mai tại Ngân hàng BIDV. Bà Oanh cung cấp sao kê thể hiện đã chuyển khoản cho bà Mai 10 lần, mỗi lần 7.500.000 đồng, tổng cộng 75.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà Mai cũng thừa nhận bà Oanh đã chuyển cho bà số tiền 7.500.000 đồng mỗi tháng, chuyển cho bà Mai 10 tháng. Do đó, có đủ căn cứ xác định từ tháng 01/2025 đến tháng 10/2025, bà Oanh đã thanh toán cho bà Mai tổng số tiền 75.000.000 đồng.

* Về thỏa thuận lãi suất, mặc dù “Giấy vay tiền” ngày 12/12/2024 không ghi nhận lãi suất, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày giữa các bên có thỏa thuận miệng về lãi suất **2,5%/tháng**, tương ứng với số tiền 7.500.000 đồng/tháng trên số tiền vay 300.000.000 đồng.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản không bắt buộc thỏa thuận về lãi suất phải được lập thành văn bản. Việc các bên thỏa thuận miệng về lãi suất là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, nếu có căn cứ chứng minh việc thỏa thuận này thực tế đã được xác lập. Trong vụ án, việc bà Oanh thực tế thanh toán cho bà Mai số tiền 7.500.000 đồng hàng tháng, tương ứng 2,5%/tháng của khoản tiền vay 300.000.000 đồng, là một trong những căn cứ để xác định giữa các bên có thỏa thuận về việc trả lãi.

Về lãi suất, bà Mai trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng. Tuy nhiên, mức lãi suất này tương đương 30%/năm, vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, phần lãi suất vượt quá 20%/năm không có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng mức lãi suất vượt quá mức lãi suất giới hạn theo quy định của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất giới hạn được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi.

Tiền lãi trong hạn hợp pháp của khoản vay 300.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm được xác định:

$$300.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 01 \text{ năm} = 60.000.000 \text{ đồng.}$$

Bà Oanh đã trả 75.000.000 đồng tiền lãi, vượt quá số tiền lãi hợp pháp là:

$$75.000.000 \text{ đồng} - 60.000.000 \text{ đồng} = 15.000.000 \text{ đồng.}$$

Số tiền 15.000.000 đồng này được trừ vào nợ gốc. Do đó, số tiền nợ gốc bà Oanh còn phải thanh toán cho bà Mai là:

$$300.000.000 \text{ đồng} - 15.000.000 \text{ đồng} = 285.000.000 \text{ đồng.}$$

Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Mai, buộc bà Oanh phải trả số tiền nợ gốc còn lại là **285.000.000 đồng**.

4.3 Đối với yêu cầu lãi chậm trả:

Theo thỏa thuận, thời hạn vay là 01 năm, từ ngày 12/12/2024 đến ngày 12/12/2025. Đến hạn trả nợ, bà Lê Thị Ngọc Oanh không thanh toán số tiền nợ gốc còn lại cho bà Bùi Mai Mai. Vì vậy, kể từ ngày 13/12/2025, bà Oanh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như đã phân tích, sau khi xác định số tiền lãi bà Oanh đã thanh toán vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép và cần trừ số tiền vượt quá vào nợ gốc, số tiền nợ gốc bà Oanh còn phải thanh toán cho bà Mai là 285.000.000 đồng.

Đối với lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Mai yêu cầu bà Oanh thanh toán lãi với mức 10%/năm trên số tiền nợ gốc còn lại. Xét thấy mức lãi suất 10%/năm mà nguyên đơn yêu cầu không vượt quá mức lãi suất được pháp luật quy định, đồng thời đây là phạm vi yêu cầu của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

Thời gian tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ được tính từ ngày 13/12/2025 đến ngày 28/8/2026, là ngày xét xử sơ thẩm. Theo cách tính mỗi tháng 30 ngày, thời gian chậm trả là 08 tháng 15 ngày, tương đương 8,5 tháng.

Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định:

$$285.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 8,5/12 = 20.187.500 \text{ đồng.}$$

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Mai Mai, buộc bà Lê Thị Ngọc Oanh phải thanh toán cho bà Mai số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 28/8/2026 là 20.187.500 đồng.

Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/8/2026, bà Lê Thị Ngọc Oanh còn phải thanh toán cho bà Bùi Mai Mai Tổng cộng: 305.187.500 đồng, trong đó nợ gốc: 285.000.000 đồng; Lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: 20.187.500 đồng.

[5] Về án phí:

Bà Lê Thị Ngọc Oanh phải chi án phí đối với phần yêu cầu của bà Bùi Mai Mai được chấp nhận là 15.259.375 đồng ($305.187.500\text{đ} \times 5\%$)

Bà Bùi Mai Mai không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Mai 7.811.250 đồng (bảy triệu tám trăm mười một nghìn, hai trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009862 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Thị hành án tỉnh Đồng Nai.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 91, 147, 157, 165, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều Điều 116; Điều 117, Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Mai Mai về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc Oanh.

Buộc bà Lê Thị Ngọc Oanh có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Mai Mai tổng số tiền 305.187.500đ (ba trăm lẻ năm triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Ngọc Oanh phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của bà Bùi Mai Mai được chấp nhận là 15.259.375 đồng ($305.187.500 \times 5\%$).

Bà Bùi Mai Mai không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Mai 7.811.250 đồng (bảy triệu tám trăm mười một nghìn, hai trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009862 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi

hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Thi hành án Tp. Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triều Châu